

Số: 2415/GPMT-BQL

Hải Phòng, ngày 25 tháng 5 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường 2020;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 05/01/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố thành phố Hải Phòng ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2469/QĐ-UBND ngày 01/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tổ chức, thực hiện thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi Giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 3110/QĐ-UBND ngày 22/9/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thêm mới lĩnh vực thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 532/QĐ-UBND ngày 13/3/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Dự án đầu tư xây dựng cảng Vinalines Đình Vũ”;

Xét Văn bản số 67/2023/CV-VIMCĐV ngày 09/02/2023 của Công ty CP Cảng VIMC Đình Vũ về đề nghị cấp giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo; Văn bản số 175/2023/CV-VIMCĐV ngày 25/4/2023 của Công ty CP Cảng VIMC Đình Vũ về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường kèm theo hồ sơ đã hoàn thiện của Dự án “Dự án đầu tư xây dựng cảng Vinalines Đình Vũ” (Bước 1-Giai đoạn 1);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty CP Cảng VIMC Đình Vũ, địa chỉ tại Khu tinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án “Dự án đầu tư xây dựng cảng Vinalines Đình Vũ” (Bước 1-Giai đoạn 1) tại Khu tinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư/cơ sở:

1.1. Tên dự án đầu tư: “Dự án đầu tư xây dựng cảng Vinalines Đình Vũ” (Bước 1-Giai đoạn 1).

1.2. Địa điểm hoạt động: Khu tinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0201190939 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 03/8/2011, thay đổi lần thứ 7 ngày 14/3/2022.

1.4. Mã số thuế: 0201190939.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: kinh doanh khai thác cảng biển.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở:

- Diện tích đất sử dụng: Diện tích thực hiện Dự án Bước 1 - Giai đoạn 1 là 70.100 m² (thuộc tổng diện tích 211.558,5m²).

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất:

+ Tiếp nhận tàu trọng tải 40.000 DWT giảm tải, hàng container qua cảng: 260.000 Teus/năm.

+ Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, container: 15 container/xe/ngày.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Thực hiện yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

24. Thực hiện yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty CP Cảng VIMC Đình Vũ:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty CP Cảng VIMC Đình Vũ có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Chỉ được phép đấu nổi nước thải và xả thải vào hệ thống thoát nước chung của khu vực khi được sự chấp thuận đấu nổi bằng văn bản của đơn vị quản lý tuyến cống hộp thoát nước (2.500 mm x 2.500 mm) chung của khu vực.

2.3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.4. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.5. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.6. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

2.7. Lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải về Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng để được kiểm tra, giám sát và thực hiện các bước tiếp theo theo quy định.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 25 tháng 5. năm 2023 đến ngày 25. tháng .5. năm 2033).

Điều 4. Giấy phép có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

Giao Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. /.

Nơi nhận:

- UBND TP (để b/c);
- Lãnh đạo Ban;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Các UBND: phường Đông Hải 2, quận Hải An;
- Công ty CP Cảng VIMC Đình Vũ;
- Các Phòng: QLTMNT, QLQHXD, QLĐT, HTGS, VP&D;
- Công TTĐT BQLKKT;
- Lưu: VT.

(Handwritten mark)

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Bùi Ngọc Hải

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số 24.15/GPMT-BQL ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải

- + Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ, công nhân viên và khách đến làm việc tại cảng.
- + Nguồn số 2: Nước thải phát sinh từ bếp ăn.
- + Nguồn số 3: Nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh container, rửa xe.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

- Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 40 m³/ngày đêm.

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau xử lý được đầu nối vào cống hộp thoát nước chung (2.500 mm x 2.500 mm) của khu vực (tuyến cống thu gom nước thải từ đường 356), thoát ra sông Bạch Đằng.

- Vị trí xả thải: tại điểm đầu nối vào cống hộp thoát nước chung (2.500 mm x 2.500 mm) của khu vực (tuyến cống thu gom nước thải từ đường 356), thoát ra sông Bạch Đằng.

Tọa độ: X(m) = 2304984; Y(m) = 606930 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45' múi chiếu 3°).

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 40 m³/ngày đêm.

- Phương thức xả thải: Nước thải sau hệ thống xử lý được bơm từ hồ ga thu gom cuối, nước thải theo đường ống đầu nối vào cống hộp thoát nước chung của khu vực.

- Chế độ xả nước thải: Xả thải liên tục (24 giờ/ngày).

- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B; C_{max} = C (Nước thải công nghiệp xả vào hệ thống thoát nước đô thị chưa có nhà máy xử lý nước thải tập trung)) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cụ thể như sau:

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	pH	-	5,5-9	06 tháng/lần	Không thuộc đối

2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50	(Theo đề xuất của chủ dự án)	tượng phải quan trắc nước thải công nghiệp tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ)
3	COD	mg/l	150		
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100		
5	Tổng nitơ	mg/l	40		
6	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	6		
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
8	Sunfua	mg/l	0,5		
9	Sắt	mg/l	5		
10	Chì	mg/l	0,5		
11	Đồng	mg/l	2		
12	Cadimi	mg/l	0,1		
13	Kẽm	mg/l	3		
14	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10		
15	Coliform	MPN/100 ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ, công nhân viên và khách đến làm việc tại cảng được thu gom và xử lý sơ bộ qua hệ thống bể tự hoại; nước sau xử lý sơ bộ cùng nước rửa tay chân được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất 40 m³/ngày đêm) của cảng.

- Nguồn số 2: Nước thải phát sinh từ bếp ăn được thu gom và xử lý sơ bộ qua thiết bị tách mỡ (dung tích 60 lít) nước sau xử lý sơ bộ được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung 40 m³/ngày đêm của cảng.

- Nguồn số 3: Nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh container, rửa xe được thu gom và xử lý qua cụm xử lý hóa lý (công suất 30 m³/ngày đêm), sau đó tiếp tục được thu gom, xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung (công suất 40 m³/ngày đêm) của cảng.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ:



+ Nước thải khu vệ sinh → bể tự hoại 3 ngăn → nước sau xử lý sơ bộ + nước rửa tay chân → hệ thống xử lý nước thải tập trung 40 m³/ngày đêm của cảng.

+ Nước thải từ nhà bếp → thiết bị tách mỡ → hệ thống xử lý nước thải tập trung 40 m³/ngày đêm của cảng.

+ Nước thải từ hoạt động vệ sinh container, rửa xe → cụm xử lý hóa lý → hệ thống xử lý nước thải tập trung 40 m³/ngày đêm của cảng.

- Công suất thiết kế:

+ 04 bể tổng thể tích 24,7m³.

+ 01 thiết bị tách mỡ, dung tích 60 lít.

+ 01 cụm xử lý hóa lý 30 m³/ngày đêm.

+ 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung 40 m³/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: NaOH, PAC, Polymer, Javen 12-15%.

- Tọa độ điểm xả nước thải:

+ 01 điểm xả: X(m) = 2304984; Y(m) = 606930.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ khu vực xử lý nước thải và hệ thống thoát nước.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 06 tháng kể từ thời điểm dự án bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý nước thải tập trung 40 m³/ngày đêm của cảng.

2.3. Vị trí lấy mẫu: tại 02 vị trí: tại bể điều hòa và hố ga nước thải sau xử lý trước khi thải vào nguồn tiếp nhận.

2.4. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Stt	Thông số giám sát	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn so sánh
-----	-------------------	-------------	--------------------



			QCVN 40:2011/ BTNMT (Cột B; Cmax = C)
1	pH	-	5,5-9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50
3	COD	mg/l	150
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100
5	Tổng nitơ	mg/l	40
6	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	6
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
8	Sunfua	mg/l	0,5
9	Sắt	mg/l	5
10	Chì	mg/l	0,5
11	Đồng	mg/l	2
12	Cadimi	mg/l	0,1
13	Kẽm	mg/l	3
14	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
15	Coliform	MPN/100ml	5.000

2.5. Tần suất lấy mẫu:

Đảm bảo ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của cơ sở, bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B; Cmax = C) về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước thải công nghiệp.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm của Chủ dự án quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

3.5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đấu nối nước thải về hệ thống thoát nước chung của khu vực.

3.6. Công ty chỉ được phép đấu nối nước thải và xả thải vào hệ thống thoát nước chung của khu vực khi được sự chấp thuận đấu nối bằng văn bản của đơn vị quản lý tuyến cống hộp thoát nước (2.500 mm x 2.500) mm chung của khu vực.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số.2415/GPMT-BQL ngày 25 tháng 5. năm 2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

Dự án không thuộc đối tượng cấp phép do không có công trình thu gom, xử lý khí thải.



Phụ lục 3

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số. 2415/GPMT-BQL ngày 25 tháng 5 năm 2023
của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh:

- Nguồn số 01: Khu vực cầu giàn STS, cần trục quay đa năng.
- Nguồn số 02: Khu vực cần trục RTG.
- Nguồn số 03: Khu vực sửa chữa.
- Nguồn số 04: Khu vực hệ thống xử lý nước thải (máy thổi khí).

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: tọa độ X(m) = 2304960.376; Y(m) = 607106.585.
- Nguồn số 02: tọa độ X(m) = 2304858.028; Y(m) = 606996.175.
- Nguồn số 03: tọa độ X(m) = 2304919.644; Y(m) = 606900.850.
- Nguồn số 04: tọa độ X(m) = 2304972.095; Y(m) = 606942.359.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105° 45', múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT đối với tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT đối với độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường
QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn				

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường
QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung				

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.
- Kiểm tra thường xuyên độ cân bằng của máy móc, thiết bị (khi lắp đặt và định kỳ trong quá trình hoạt động); kiểm tra độ mòn chi tiết và định kỳ bảo dưỡng.
- Trang bị bảo hộ lao động chuyên dùng: quần áo bảo hộ, nút tai chống ồn cho người lao động làm việc ở các vị trí có mức ồn và độ rung lớn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường và yêu cầu khác:

- 2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- 2.2. Tuân thủ các tiêu chuẩn về tiếng ồn, độ rung tại nơi làm việc theo quy định hiện hành.
- 2.3. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.



Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số.2415/GPMT-BQL ngày 25 tháng 5. năm 2023
của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
1	Pin, ắc quy thải	19 06 05	Rắn	260
2	Bộ lọc dầu	15 01 02	Rắn	40
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	10
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	200
5	Xăng, dầu thải	17 06 02	Lỏng	60
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (mùn cưa, giẻ lau dính dầu thải, tấm thấm dầu)	18 02 01	Rắn	100
7	Bùn thải từ bể tách dầu/nước (từ cụm xử lý hóa lý xử lý nước thải rửa xe, container)	17 05 02	Bùn	1.000
8	Sơn, cặn sơn thải	08 01 01	Rắn	12
9	Chổi, con lăn sơn thải	19 12 02	Rắn	30
10	Bao bì kim loại cứng thải	18 01 02	Rắn	392
11	Bao bì nhựa cứng thải	18 01 03	Rắn	20
12	Que hàn thải	07 04 01	Rắn	48
13	Bùn thải có thành phần nguy hại từ hệ thống xử lý nước thải tập trung	12 06 05	Bùn	1.000
	Tổng			3.172

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh bao gồm (vỏ bao bì carton, nilong, nhựa lõi hỏng, bụi nhựa, ...): khoảng 100 kg/ngày.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 600 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại đảm bảo đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: bố trí 01 kho lưu giữ, diện tích 20 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH) có tường bao và mái che, nền bê tông hóa chống thấm, công trình phòng chống sự cố rò rỉ chất thải nguy hại dạng lỏng ra môi trường bên ngoài. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo quy định, có phân loại từng mã CTNH, trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn, mã chất thải nguy hại, có thùng phuy chứa cát khô/giẻ lau khô, thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định. Kho tuân thủ đầy đủ các quy định liên quan đến lưu chứa chất thải nguy hại. Chủ dự án có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí thiết bị lưu chứa chất thải đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: bố trí 01 kho lưu giữ, diện tích 15 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho chứa có tường bao và mái che, nền bê tông hóa. Kho đảm bảo các yêu cầu theo quy định tại khoản 3 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Chủ dự án có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa 20-240 lít có nắp đậy. Thiết bị lưu giữ chất thải đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Thông tư

số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích kho: bố trí 01 khu vực tập kết, diện tích 15 m².
- Thiết kế, cấu tạo: nền bê tông chống thấm, tường gạch bao quanh cao 0,5m, bố trí rãnh và hố ga thu gom nước rỉ rác. Chủ dự án có trách nhiệm ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số.2415/GPMT-BQL ngày 25 tháng 5. năm 2023 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng)

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; chịu trách nhiệm đối với chất thải được chuyển giao.
2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.
3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
5. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

